A. **MA TRẬN MÔN HÓA 8 TUẦN HỌC KỲ I HÓA HỌC 12 NĂM HỌC 2020-2021**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Mức độ** | | | | **Tổng số**  **câu** |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Lớp 11** | 2 | 2 | 1 (BT) |  | 5 |
| **Este – Lipit** | 3 | 1 ( BT) | 2 ( 1BT) | 3 ( 2BT) | 9 |
| **Cacbohidrat** | 2 | 3 ( 1BT) | 1 (BT) |  | 6 |
| **Amin-Aminoaxit- peptit-**  **Protein.** | 4 | 2 ( 1BT) | 3 ( 2BT) | 3 (BT) | 12 |
| **Polime** | 1 | 2 |  |  | 3 |
| **Tổng hợp hữu cơ** |  | 1 | 2 | 2 (BT) | 5 |
| **Tổng số câu** | 12 | 11 | 9 | 8 | 40 |

**B. ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH**  **TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ**  ĐỀ CHÍNH THỨC MÃ 201 | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ 1**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **Môn: HÓA HỌC - lớp 12 THPT**  **Thời gian làm bài 50 phút**  ***Đề kiểm tra gồm 04 trang*** |

**Câu 41 :** Ở điều kiện thường, hidrocacbon nào sau đây làm mất màu dung dịch brom ?

1. Benzen. B. Metan. C. Axetilen. D. Axit acrylic.

**Câu 42 :** Metanol là chất độc đối với cơ thể con người. Với lượng nhỏ methanol thì gây mù mắt, lượng lớn thì gây tử vong. Công thức cấu tạo của metanol là

1. CH3OH. B. C2H5OH. C. C6H5OH. D. C3H7OH.

**Câu 43 :** Công thức cấu tạo của etyl axetat là

1. C2H5COOCH3. B. CH3COOC2H5. C. HCOOCH3. D. CH3COOCH3.

**Câu 44 :** Để chuyển hóa chất béo lỏng thành chất béo rắn, người ta sử dụng phản ứng nào sau đây ?

1. Este hóa. B. Xà phòng hóa. C. Lên men. D. Hidro hóa.

**Câu 45 :** Ứng dụng nào sau đây không phải của este ?

1. Làm dung môi pha sơn. C. Làm hương liệu cho mĩ phẩm.
2. Sản xuất thủy tinh hữu cơ. D. Làm bột ngọt, mì chính.

**Câu 46 :** Cacbohidrat nào sau đây có nhiều trong mía, củ cải và hoa thốt nốt ?

1. Glucozo. B. Saccarozo. C. Tinh bột. D. Xenlulozo.

**Câu 47 :** Thành phần nguyên tố của amin gồm các nguyên tố là

1. C, H, O, N. B. C, H, O. C. C, H, N. D. C, H, Cl.

**Câu 48 :** Thủy phân hoàn toàn cacbohidrat X chỉ thu được α-glucozo. X là

1. Xenlulozo. B. Tinh bột. C. Saccarozo. D. Fructozo.

**Câu 49 :** Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím hóa xanh ?

1. Lysin. B. Anilin. C. Alanin. D. Valin.

**Câu 50 :** Cho Cu(OH)2 vào dung dịch lòng trắng trứng, thu được dung dịch có màu ?

1. Xanh lam. B. Vàng. C. Đen. D. Tím.

**Câu 51 :** Aminoaxit đầu N của peptit : Ala-Gly-Val-Lys là

1. Lys. B. Gly. C. Ala. D. Val.

**Câu 52 :** Tơ nào sau đây là tơ nhân tạo ?

1. Nilon-6,6. B. Tơ nitron. C. Tơ visco. D. Tơ enang.

**Câu 53 :** Thí nghiệm nào sau đây thu được kết tủa sau khi phản ứng kết thúc ?

1. Cho dung dịch CH3COOH vào dung dịch NaOH.
2. Cho Na vào C2H5OH.
3. Cho phenol vào dung dịch NaOH.
4. Sục khí CO2 (dư) vào dung dịch C6H5ONa.

**Câu 54 :** Cho m(g) metyl fomat tác dụng với dung dịch AgNO3 dư trong NH3 đun nóng, thu được 21,6g Ag. Giá trị của m là

1. 12. B. 3. C. 6. D. 7,4.

**Câu 55 :** Lên men 36g glucozo thành ancol etylic với hiệu suất 75%, thu được V lít khí CO2. Giá trị của V là

1. 8,96. B. 3,36. C. 4,48. D. 6,72.

**Câu 56 :** Amin nào sau đây là amin bậc III ?

1. CH3NH2. B. (CH3)3N. C. CH3NHC2H5. D. C6H5NH2.

**Câu 57 :** Phátbiểu nào sau đây đúng ?

1. Cacbohidrat là hợp chất hữu cơ đa chức.
2. Hidro hóa hoàn toàn saccarozo, thu được sobitol.
3. Amilozo có cấu trúc mạch phân nhánh.
4. Saccarozo là chất rắn, không màu, tan tốt trong nước.

**Câu 58 :** Cho 9g etylamin tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch HCl 1M. Giá trị của V là

1. 200. B. 250. C. 100. D. 150.

**Câu 59 :** Phân tử chất nào sau đây chứa hai nguyên tử nito ?

1. Ala-Lys. B. Ala-Gly-Ala. C. Gly-Gly-Gly-Gly. D. Gly-Ala.

**Câu 60 :** Dãy polime nào sau đây đều được điều chế bằng phản ứng trùng hợp ?

1. PE, PVC và thủy tinh hữu cơ. C. PE, tơ nitron và nilon-6,6.
2. PVC, nilon-6,6 và nilon-6. D. nilon-6, nilon-6,6 và tơ enang.

**Câu 61 :** Phát biểu nào sau đây **không** đúng ?

1. Hợp chất hữu cơ là hợp chất kém bền nhiệt.
2. Phân tử hợp chất hữu cơ luôn chứa nguyên tử cacbon.
3. Đồng đẳng là những hợp chất hữu cơ hơn kém nhau một hay nhiều nhóm –CH2- (metylen).
4. Phản ứng hữu cơ thường xảy ra chậm và theo nhiều hướng khác nhau.

**Câu 62 :** Cho các chất sau : Triolein, glucozo, saccarozo, tinh bột, Ala-Gly và tơ tằm. Số chất bị thủy phân trong môi trường axit và môi trường kiềm là

1. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

**Câu 63 :** Polime X được bện thành sợi len để đan áo rét. X được điều chế từ trùng hợp chất Y. X, Y lần lượt là

1. Polietilen và etilen. C. poli (vinyl clorua) và vinyl clorua.
2. Tơ nitron và acrilonitrin. D. Nilon-6 và axit ε- aminocaproic.

**Câu 64 :** Cho 7,5g Glyxin tác dụng với 150ml dung dịch HCl 1M, thu được dung dịch Y. Biết Y tác dụng vùa đủ với V ml dung dịch KOH 1(M). Giá trị của V là

1. 300. B. 200. C. 350. D.250.

**Câu 65 :** Cho các phát biểu sau :

1. Thủy phân vinyl axetat trong môi trường kiềm thu được andehit fomic.
2. Dung dịch glucozo bị oxi hóa bởi AgNO3 trong NH3 cho axit gluconic.
3. Dung dịch anilin làm quỳ tím hóa xanh.
4. Tất cả aminoaxit đều có tính chất lưỡng tính.
5. Trùng hợp metyl acrylat, thu được thủy tinh hữu cơ.

Số phát biểu đúng là

1. 3. B. 2. C.1. D. 4.

**Câu 66 :** Hỗn hợp X gồmmetan, etilen, propan và but-1-en có tổng số mol là 0,57 ; tổng khối lượng là m gam. Đốt cháy hoàn toàn m gam X cần vừa đủ 54,88 lít O2. Mặt khác, cho m gam X qua dung dịch brom dư thì thấy số mol brom phản ứng là 0,35 mol. Giá trị của m là

1. 22,68. B. 24.42. C. 22,28. D. 24,24.

**Câu 67 :** Thực hiện các thí nghiệm sau :

1. Cho phenol vào dung dịch brom.
2. Cho anilin vào dung dịch HCl dư.
3. Cho Cu(OH)2 vào dung dịch saccarozo.
4. Đun nóng etyl axetat với dung dịch AgNO3 trong NH3.
5. Đun nóng axit fomic với dung dịch AgNO3 trong NH3.

Số thí nghiệm thu được kết tủa, sau khi phản ứng kết thúc là

1. 2. B. 3. C. 1. D. 4.

**Câu 68 :** Thực hiện các phản ứng theo sơ đồ sau theo đúng tỉ lệ mol :

1. X + 2NaOH → X1 + 2X2
2. X1 + H2SO4 → X3 + Na2SO4.
3. nX3 + nX4 → poli ( etilen terephtalat) + 2nH2O.
4. X2 + CO → X5.
5. X4 + 2X5 → X6 + 2H2O.

Cho biết X là este có công thức phân tử C10H10O4. X1, X2, X3, X4, X5, X6 là các hợp chất hữu cơ khác nhau. Phân tử khối của X6 là

1. 146. B. 118. C. 104. D. 132.

**Câu 69 :** Kết quả thí nghiệm của các dung dịch **X, Y, Z, T** với thuốc thử được ghi ở bảng sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chất** | **Thuốc thử** | **Hiện tượng** |
| **X** | Cu(OH)2/NaOH | Có màu tím |
| **Y** | Dung dịch nước vôi trong | Có vẩn đục |
| **Z** | Dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng | Kết tủa Ag trắng sáng |
| **T** | Dung dịch nước brom | Mất màu và sủi bọt khí. |

Các dung dịch **X, Y, Z, T** lần lượt là

1. Lòng trắng trứng, anilin, fructozo và axit fomic.
2. Lòng trắng trứng, natri panmitat, glucozo và axit fomic.
3. Saccarozo, natri axetat, glucozo và phenol.
4. Lòng trắng trứng, lysin, saccarozo và andehit fomic.

**Câu 70 :** Cho 1 molaminoaxit X tác dụng với dung dịch HCl (dư), thu được p gam muối Y. Cũng cho 1 mol X tác dụng với dung dịch KOH ( dư), thu được q gam muối Z. Biết q - p=39,5. Công thức phân tử của X là

1. C5H9O4N. B. C4H10O2N2. C. C5H11O2N. D. C4H8O4N2.

**Câu 71 :** Este hai chức mạch hở X có công thức phân tử C6H8O4 và không tham gia phản ứng tráng bạc. X được tạo thành từ ancol Y và axit cacboxylic Z. Y không phản ứng với Cu(OH)2 ở điều kiện thường; khi đun Y với H2SO4 đặc, ở 1700C không tạo ra anken. Nhận xét nào sau đây đúng ?

1. Trong X có ba nhóm –CH3.
2. Chất Z không làm mất màu dung dịch brom.
3. Chất Y là ancol etylic.
4. Phân tử chất Z có số nguyên tử cacbon bằng số nguyên tử oxi.

**Câu 72 :** Hỗn hợp Echứa ba axit béo X, Y, Z và chất béo T được tạo bởi X, Y, Z với glixerol. Đốt cháy hoàn toàn 52, 24g E cần vừa đủ 4,72 mol oxi. Nếu cho lượng E trên vào dung dịch nước brom dư, thấy có 0,2 mol brom phản ứng. Mặt khác, cho lượng E trên vào dung dịch NaOH ( dư 15% so với lượng phản ứng) thì thấy có 0,18 mol NaOH phản ứng. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m(g) chất rắn khan. Giá trị của m gần nhất với ?

1. 55. B. 56. C. 57. D. 58.

**Câu 73 :** Cho m(g) hỗn hợp X gồm axit glutamic và alanin tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được ( m+ 11,68) gam muối. Mặt khác, cho m gam X tác dụng với dung dịch KOH vừa đủ, thu được ( m + 19) gam muối. Giá trị của m là

1. 36,6. B. 38,92. C. 38,61. D. 35,4.

**Câu 74 :** Đốt cháy hoàn toàn m(g) hỗn hợp E gồm ba este X, Y, Z ( đều mạch hở và chỉ chứa chức este, Z chiếm phần trăm khối lượng lớn nhất trong E) thu được lượng CO2 lớn hơn H2O là 0,25 mol. Mặt khác, m(g) E phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được 22,2g hai ancol hơn kém nhau một nguyên tử cacbon và hỗn hợp T gồm hai muối. Đốt cháy hoàn toàn T cần vừa đủ 0,275 mol oxi, thu được CO2, 0,35 mol Na2CO3 và 0,2 mol H2O. Phần trăm khối lượng của Z trong E là

1. 45,20%. B. 50,40% . C. 42,65%. D. 62,10%.

**Câu 75 :** Hỗn hợp E gồm amin X, aminoaxit Y ( X, Y đều no, mạch hở) và peptit Z ( mạch hở, tạo ra từ các α-aminoaxit no, mạch hở). Cho 2 mol hỗn hợp E tác dụng vừa đủ với 9 mol HCl hoặc 8 mol NaOH. Nếu đốt cháy hoàn toàn 2 mol hỗn hợp E, sau phản ứng thu được 15 mol CO2, x mol H2O và y mol N2. Giá trị của x và y lần lượt là

1. 17 và 4,5. B. 13,5 và 4,5. C. 12,5 và 2,25. D. 14,5 và 9.

**Câu 76 :** Hỗn hợp E gồm một axit cacboxylic X ( công thức có dạng CnH2n-2O2), một axit cacboxylic Y ( công thức có dạng CmH2m-2O4) và một este tạo bởi glixerol với axit đơn chức ( đều mạch hở và phân tử chỉ chứa một loại nhóm chức). Đốt cháy hoàn toàn 46,5g E cần vừa đủ 1,335 mol O2, thu được CO2 và 19,26g H2O. Mặt khác, đun nóng 46,5g E bằng dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được 55,52 gam muối khan. Phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp E là

1. 4,65%. B. 5,55%. C. 7,74%. D. 9,25%.

**Câu 77 :** Chất X ( CnH2n+4O4N2) là muối amoni của axit đa chức ; chất Y ( CmH2m-4O7N6) là hexapeptit được tạo bởi một aminoaxit. Biết 0,1 mol E gồm X và Y tác dụng tối đa với 0,32 mol NaOH trong dung dịch đun nóng, thu được metylamin và dung dịch chỉ chứa 31,32g hỗn hợp muối. Phần trăm khối lượng của X trong E có giá trị gần nhất với giá trị nào sau đây ?

1. 52. B. 49. C. 77. D. 22.

**Câu 78 :** Tiến hành thí nghiệm phản ứng xà phòng hoá theo các bước sau đây:

*Bước 1:* Cho vào bát sứ nhỏ khoảng 1 gam mỡ lợn và 2,5 ml dung dịch NaOH 40%.

*Bước 2:* Đun hỗn hợp sôi nhẹ và liên tục khuấy đều bằng đũa thủy tinh, thỉnh thoảng thêm vài giọt nước cất trong 8-10 phút.

*Bước 3:* Rót thêm vào hỗn hợp 5 ml dung dịch NaCl bão hòa nóng, khuấy nhẹ rồi để nguội.

Phát biểu nào sau đây **sai**?

A**.** Ở bước 1, có thể thay thế mỡ lợn bằng dầu thực vật.

B. Mục đích của việc thêm nước cất ở bước 2 là để giữ cho thể tích hỗn hợp không đổi.

C. Sau bước 2, nếu sản phẩm không bị đục khi pha loãng với nước cất thì phản ứng xà phòng hoá xảy ra hoàn toàn.

D**.** Sau bước 3, trong bát sứ thu được chất lỏng đồng nhất.

**Câu 79 :** Cho cácphát biểu sau :

1. Etylamin và đimetylamin là đồng phân của nhau.
2. Glucozo vừa có tính oxi hóa, vừa có tính khử.
3. Ở điều kiện thường, các aminoaxit là các chất rắn ở dạng tinh thể không màu.
4. Thủy phân hoàn toàn peptit C5H10O3N2 trong môi trường axit, thu được glyxin và alanin có tỉ lệ mol 1 :1.
5. Đốt cháy hoàn toàn isoamyl axetat, thu được số mol H2O bằng số mol CO2.
6. Nilon- 6,6 do các phân tử H2N(CH2)5COOH liên kết với nhau tạo nên.

Số phát biểu đúng là

1. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

**Câu 80 :** Chất E có công thức phân tử C3H12N2O3. Chất F có công thức phân tử CH4N2O. E, F lần lượt phản ứng với dung dịch HCl cho cùng một khí Z. Mặt khác, khi cho E, F tác dụng với dung dịch NaOH thì E cho khí X, còn F cho khí Y. Phát biểu nào sau đây đúng ?

1. X, Y, Z đều phản ứng được với dung dịch NaOH. C. X, Y đều làm quỳ tím hóa xanh.
2. MZ>MY>MX. D. Z phản ứng được với NaOH và HCl.

* **Hết** -

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH**  **TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ**  ĐỀ CHÍNH THỨC MÃ 202 | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ 1**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **Môn: HÓA HỌC - lớp 12THPT**  **Thời gian làm bài 50 phút**  ***Đề kiểm tra gồm 04 trang*** |

**Câu 41 :** Chất nào sau đây là hidrocacbon ?

1. CH3OH. B. CH3NH2. C. CH4. D. CCl4.

**Câu 42 :** Tên thay thế của CH3CH2OH là

1. Etanol. B. Metanol. C. Ancol etylic. D. Ancol metylic.

**Câu 43 :** Este nào sau đây có tên gọi là etyl fomat ?

1. C2H5COOCH3. B. HCOOC2H5. C. HCOOCH3. D. C2H5COOC2H5.

**Câu 44 :** Số nguyên tử cacbon có trong một phân tử Triolein là

1. 54. B. 57. C. 55. D. 51.

**Câu 45 :** Chất nào sau đây tác dụng được với dung dịch NaOH và dung dịch AgNO3 trong NH3 ?

1. CH3COOCH3. B. HCOOCH3. C. HCHO. D. CH3COOH.

**Câu 46 :** Cacbohidrat nào sau đây là đồng phân của fructozo ?

1. Glucozo. B. Saccarozo. C. Tinh bột. D. Xenlulozo.

**Câu 47 :** Dung dịch aminoaxit nào sau đây có pH<7 ?

1. Glyxin. B. Lysin. C. Valin. D. Axit glutamic.

**Câu 48 :** Cacbohidrat nào sau đây không tan trong nước ?

1. Xenlulozo. B. Glucozo. C. Saccarozo. D. Fructozo.

**Câu 49 :** Ở điều kiện thường, amin nào sau đây tồn tại ở trạng thái lỏng ?

1. Metylamin. B. Anilin. C. Đimetylamin. D. Trimetylamin.

**Câu 50 :** Cho brom vào dung dịch anilin, thu được kết tủa màu

1. Xanh lam. B. Vàng. C. Đen. D. Trắng.

**Câu 51 :** Aminoaxit đầu C của peptit : Ala-Gly-Val-Lys là

1. Lys. B. Gly. C. Ala. D. Val.

**Câu 52 :** Polime nào sau đây được dùng làm chất dẻo ?

1. Nilon-6,6. B. Tơ nitron. C. Thủy tinh hữu cơ. D. Len.

**Câu 53 :** Thí nghiệm nào sau đây thu được chất khí sau khi phản ứng kết thúc ?

1. Cho dung dịch CH3COOH vào dung dịch NaOH.
2. Cho Na vào C2H5OH.
3. Cho phenol vào dung dịch brom.
4. Cho dung dịch HCl vào dung dịch C6H5ONa.

**Câu 54 :**Cho triolein tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch NaOH 1M, thu được 4,6gam glixerol. Giá trị của V là

1. 50. B. 150. C. 100. D. 300.

**Câu 55 :** Lên men 72g glucozo thành ancol etylic với hiệu suất 75%. Khối lượng ancol etylic thu được là

1. 13,8 gam. B. 36,8 gam. C. 27,6 gam. D. 18,4 gam.

**Câu 56 :** Amin nào sau đây là amin bậc II ?

1. CH3NH2. B. (CH3)3N. C. CH3NHC2H5. D. C6H5NH2.

**Câu 57 :** Phátbiểu nào sau đây đúng ?

1. Hidro hóa hoàn toàn glucozo, thu được axit gluconic.
2. Saccarozo khử được dung dịch AgNO3 trong NH3, đun nóng.
3. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.
4. Saccarozo là chất rắn, màu trắng, tan tốt trong nước.

**Câu 58 :**Đốt cháy hoàn toàn 6,2g metylamin, thu được CO2, H2O và V lít khí N2. Giá trị của V là

1. 4,48. B. 2,24. C. 1,12. D. 3,36.

**Câu 59 :** Phân tử chất nào sau đây có chứa 4 nguyên tử oxi ?

1. Ala-Lys. B. Ala-Gly-Ala. C. Gly-Gly-Gly-Gly. D. Gly-Ala.

**Câu 60 :** Dãy polime nào sau đây đều được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng ?

1. PE, PVC và thủy tinh hữu cơ. C. PE, tơ nitron và nilon-6,6.
2. PVC, nilon-6,6 và nilon-6. D. nilon-6, nilon-6,6 và tơ enang.

**Câu 61 :** Phát biểu nào sau đây **không** đúng ?

1. Trong hợp chất hữu cơ, cacbon luôn có hóa trị bốn.
2. Phân tử hợp chất hữu cơ luôn chứa nguyên tử cacbon và hidro.
3. Đồng phân là những chất hữu cơ có cùng công thức phân tử.
4. Phản ứng hữu cơ thường xảy ra chậm và theo nhiều hướng khác nhau.

**Câu 62 :** Cho các chất sau : glixerol, axit axetic, etyl axetat, glucozo, saccarozo và tinh bột. Số chất hòa tan được Cu(OH)2 ở điều kiện thường là

1. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

**Câu 63 :** Polime X được dùng làm vỏ dây điện, ống nước. X được điều chế từ trùng hợp chất Y. X, Y lần lượt là

1. Polietilen và etilen. C. poli (vinyl clorua) và vinyl clorua.
2. Tơ nitron và acrilonitrin. D. Nilon-6 và axit ε- aminocaproic.

**Câu 64 :** Cho 2,94g axit glutamic tác dụng với 300ml dung dịch HCl 0,1M, thu được dung dịch Y. Biết Y tác dụng vùa đủ với V ml dung dịch KOH 0,1(M). Giá trị của V là

1. 700. B. 500. C. 400. D.600.

**Câu 65 :** Cho các phát biểu sau :

1. Thủy phân tripanmitin và etyl axetat trong môi trường kiềm đều thu được ancol.
2. Dung dịch glucozo bị oxi hóa bởi dung dịch brom cho axit gluconic.
3. Dung dịch anilin có tính chất bazo.
4. Tất cả dung dịch aminoaxit đều làm đổi màu quỳ tím.
5. Trùng ngưng metyl metacrylat, thu được thủy tinh hữu cơ.

Số phát biểu đúng là

1. 3. B. 2. C.1. D. 4.

**Câu 66 :**Dẫn từ từ 10,08(l) hỗn hợp khí X gồm etilen và axetilen vào bình đựng 2,225 (lít) dung dịch Br2 0,2M. Sau khi phản ứng xong thì dung dịch brom bị mất màu hoàn toàn ; thu được hỗn hợp sản phẩm hữu cơ Y ; đồng thời có 2,688( lít) hỗn hợp khí Z thoát ra khỏi bình. Khối lượng bình đựng dung dịch brom tăng lên 8,82 gam so với ban đầu. Khối lượng của chất hữu cơ có phân tử khối nhỏ nhất trong Y là

1. 22,32 gam. B. 22,56 gam. C. 39,48 gam. **D**. 16,74 gam.

**Câu 67 :** Thực hiện các thí nghiệm sau :

1. Cho anilin vào dung dịch brom.
2. Cho phenol vào dung dịch NaOH.
3. Cho Cu(OH)2 vào dung dịch glucozo.
4. Đun nóng metyl fomat với dung dịch AgNO3 trong NH3.
5. Đun nóng axit axetic với dung dịch AgNO3 trong NH3.

Số thí nghiệm thu được kết tủa, sau khi phản ứng kết thúc là

1. 2. B. 3. C. 1. D. 4.

**Câu 68 :** Cho sơ đồ chuyển hóa sau :

1. X + NaOH → Y + Z
2. Y + HCl → T + NaCl
3. Y + NaOH → CH4 + Na2CO3
4. Z + A ( hợp chất của cacbon) → T

Kết luận nào sau đây sai ?

1. X và T đều có một liên kết pi trong phân tử.
2. Z và T đều có cùng số nguyên tử hidro trong phân tử.
3. Đốt cháy hoàn toàn 1 mol Y thu được 1,5 mol CO2.
4. Nhiệt độ sôi của Z cao hơn T.

**Câu 69 :** Kết quả thí nghiệm của các dung dịch **X, Y, Z, T** với thuốc thử được ghi ở bảng sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chất** | **Thuốc thử** | **Hiện tượng** |
| **X** | Nước brom | Có kết tủa trắng |
| **Y** | Phenolphtalein | Màu hồng |
| **Z** | Dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng | Kết tủa Ag trắng sáng |
| **T** | Cu(OH)2/NaOH | Hợp chất màu tím |

Các dung dịch **X, Y, Z, T** lần lượt là

1. Fructozo, lysin, anilin và Ala-Gly-Ala.
2. Anilin, Ala-Gly-Ala, fructozo và lysin.
3. Anilin, fructozo, Ala-Gly-Ala và lysin.
4. Anilin, lysin, fructozo và Ala-Gly-Ala.

**Câu 70 :** Hỗn hợp X gồm hai amin ( no, đơn chức, mạch hở, đồng đẳng kế tiếp) và hai hidrocacbon ( mạch hở, thể khí ở điều kiện thường, có cùng số nguyên tử hidro trong phân tử). Đốt cháy hoàn toàn 5,6 (lít) X cần vừa đủ 19,656 (lít) oxi, thu được H2O, 29,92 gam CO2 và 0,56 (lít) N2. Phần trăm thể tích của amin có phân tử khối lớn hơn trong X là

1. 16%. B. 12%. **C.** 8%. D. 24%.

**Câu 71 :** Hợp chất hữu cơ X mạch hở có công thức phân tử C4H6O4. Biết rằng khi đun nóng X với dung dịch bazo tạo ra hai muối và một ancol no, đơn chức, mạch hở. Cho 17,7 gam X tác dụng với 400 ml dung dịch NaOH 1M đun nóng, sau khi phản ứng hoàn toàn, thu được dung dịch Y. Cô cạn Y, thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

1. 24,9. **B**. 28,9. C. 24,1. D. 24,4.

**Câu 72 :** Hỗn hợp Echứa ba axit béo X, Y, Z và chất béo T được tạo bởi X, Y, Z với glixerol. Đốt cháy hoàn toàn 52, 24g E cần vừa đủ 4,72 mol oxi. Nếu cho lượng E trên vào dung dịch nước brom dư, thấy có 0,2 mol brom phản ứng. Mặt khác, cho lượng E trên vào dung dịch NaOH ( dư 15% so với lượng phản ứng) thì thấy có 0,18 mol NaOH phản ứng. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m(g) chất rắn khan. Giá trị của m gần nhất với ?

1. 55. **B**. 56. C. 57. D. 58.

**Câu 73 :** Cho m(g) hỗn hợp X gồm axit glutamic và alanin tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được ( m+ 18,25) gam muối. Mặt khác, cho m gam X tác dụng với dung dịch NaOH ( vừa đủ ), thu được ( m + 15,4) gam muối. Giá trị của m là

1. 56,1. B. 61,9. C. 33,65. D. 54,36.

**Câu 74 :** Hỗn hợp T gồm ba este đơn chức X, Y, Z ( MX<MY<MZ; Y hơn X một nguyên tử cacbon ; Y chiếm 20% số mol trong T). Hóa hơi 14,28g T thu được thể tích bằng thể tích của 6,4 gam oxi trong cùng điều kiện. Mặt khác, 14,28 gam T tác dụng vừa đủ với 220 ml dung dịch NaOH 1M, thu được dung dịch Q chứa bốn muối. Cô cạn Q, thu được hỗn hợp muối khan R. Phần trăm khối lượng muối của axit cacboxylic có phân tử khối lớn nhất trong R là

1. 16,79%. **B**. 10,85%. C. 19,34%. D. 11,79%.

**Câu 75 :** Đốt cháy hoàn toàn 15,78 gam hỗn hợp X gồm C2H8N2O4 và các peptit Gly-Ala, Gly-Ala-Ala và Gly-Ala-Val-Val cần dùng vừa đủ 0,655 mol O2. Mặt khác, X tác dụng vừa đủ với 200ml dung dịch NaOH 1,1M, sau phản ứng thu được 22,1g hỗn hợp muối. Phần trăm số mol của Gly-Ala trong X là

1. 20%. **B**. 25%. C. 30%. D. 35%.

**Câu 76 :** Hỗn hợp E gồm một axit cacboxylic X ( công thức có dạng CnH2n-2O2), một axit cacboxylic Y ( công thức có dạng CmH2m-2O4) và một este tạo bởi glixerol với axit đơn chức ( đều mạch hở và phân tử chỉ chứa một loại nhóm chức). Đốt cháy hoàn toàn 46,5g E cần vừa đủ 1,335 mol O2, thu được CO2 và 19,26g H2O. Mặt khác, đun nóng 46,5g E bằng dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được 55,52 gam muối khan. Phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp E là

1. 4,65%. **B**. 5,55%. C. 7,74%. D. 9,25%.

**Câu 77 :**Đun nóng 0,06 mol hỗn hợp E gồm tetrapeptit X và pentapeptit Y ( đều mạch hở) cần dùng 280 ml dung dịch NaOH 1M, thu được 28,28g hỗn hợp gồm ba muối của glyxin, alanin và valin. Số nguyên tử hidro trong tetrapeptit X là

1. 28. B. 26. C. 24. **D**. 22.

**Câu 78 :** Tiến hành thí nghiệm phản ứng màu biure của lòng trắng trứng (protein) theo các bước sau đây:

*Bước 1:* Cho vào ống nghiệm 1 giọt dung dịch CuSO4 2% + 1 ml dung dịch NaOH 30%.

*Bước 2:* Lắc nhẹ, gạn lớp dung dịch để giữ kết tủa.

*Bước 3:* Thêm 4 ml dung dịch lòng trắng trứng vào ống nghiệm, lắc đều.

Nhận định nào sau đây là **sai**?

A**.** Sau bước 1, trong ống nghiệm xuất hiện kết tủa màu xanh .

B**.** Có thể thay thế dung dịch lòng trắng trứng bằng dung dịch Gly-Ala.

C**.** Sau bước 3, kết tủa bị hoà tan và dung dịch có màu tím đặc trưng.

D. Cần lấy dư dung dịch NaOH để đảm bảo môi trường cho phản ứng tạo phức.

**Câu 79 :** Cho cácphát biểu sau :

1. Để rửa sạch ống nghiệm chứa anilin, có thể dùng dung dịch HCl..
2. Những người sử dụng nhiều rượu, bia có nguy cơ cao mắc bệnh ung thư gan.
3. Phản ứng thủy phân xenlulozo có thể xảy ra trong dạ dày động vật ăn cỏ.
4. Các loại dàu thực vật và dầu bôi trơn đều không tan trong nước nhưng tan trong trong dung dịch axit.
5. Để phân biệt da thật và da giả làm bằng PVC, người ta thường dùng phương pháp đơn giản là đốt thử.
6. Nhỏ vài giọt I2 loãng vào mặt cắt củ khoai lang, thấy xuất hiện màu xanh tím.

Số phát biểu đúng là

1. 3. B. 6. C. 5. D. 4.

**Câu 80 :** Hỗn hợp X gồm bốn chất hữu cơ đều có công thức phân tử C2H8O3N2. Cho một lượng X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch NaOH 0,5M, đun nóng, thu được dung dịch Y chỉ gồm các chất vô cơ và 6,72 lít hỗn hợp Z gồm ba amin. Cô cạn toàn bộ dung dịch Y, thu được 29,28 gam hỗn hợp muối khan. Giá trị của V là

1. 420. B. 480. **C.** 960. D. 840.

* **Hết** -

**C. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH**  **TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ** | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ 1**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: HÓA HỌC - LỚP 12THPT** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 201 | 203 | 205 | 207 | 202 | 204 | 206 | 208 |
| 41 | D | C | D | C | D | C | B | C |
| 42 | D | D | D | D | A | C | B | B |
| 43 | D | B | A | B | B | C | D | A |
| 44 | A | C | B | C | B | B | C | B |
| 45 | B | B | C | B | D | A | C | C |
| 46 | C | B | D | B | C | B | C | D |
| 47 | D | C | B | C | C | C | B | A |
| 48 | B | D | C | D | C | D | A | B |
| 49 | C | D | B | D | B | A | B | B |
| 50 | B | D | B | D | A | B | C | D |
| 51 | B | A | C | D | B | B | D | C |
| 52 | C | B | D | A | C | D | A | C |
| 53 | D | D | D | B | B | B | C | C |
| 54 | C | D | C | C | D | A | C | C |
| 55 | A | A | A | A | B | D | B | B |
| 56 | B | B | B | D | B | C | D | D |
| 57 | B | D | B | D | A | C | B | B |
| 58 | C | D | C | A | D | C | B | B |
| 59 | A | C | A | B | C | C | A | A |
| 60 | D | A | D | D | C | C | D | D |
| 61 | D | B | C | C | C | C | C | C |
| 62 | A | B | C | A | C | B | C | C |
| 63 | B | C | C | B | C | A | C | A |
| 64 | D | A | A | B | C | B | C | B |
| 65 | C | C | D | C | B | C | B | C |
| 66 | C | C | A | C | A | B | A | C |
| 67 | C | C | B | C | B | D | C | C |
| 68 | A | A | D | A | C | B | C | B |
| 69 | A | A | A | A | B | D | B | D |
| 70 | A | A | A | A | D | D | D | B |
| 71 | B | C | B | B | D | A | B | B |
| 72 | C | B | C | C | A | B | A | B |
| 73 | D | A | D | D | B | C | B | A |
| 74 | B | C | B | B | B | B | A | C |
| 75 | C | A | C | C | A | A | D | B |
| 76 | B | D | C | B | C | B | A | A |
| 77 | A | B | A | A | B | A | B | B |
| 78 | C | C | D | A | A | B | B | A |
| 79 | A | D | B | D | B | B | A | A |
| 80 | D | B | A | C | A | A | C | D |

**---HẾT ----**